

Số: /PAS-VTTBYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người nhận báo giá: Cao Thị Ngọc Thắm
- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng – Phòng Vật tư Thiết bị y tế
- Số điện thoại: 093 654 8286
- Địa chỉ email: thamctn@pasteurhcm.edu.vn

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin báo giá được đăng tải thành công đến trước 17 giờ 00 ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa:

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, P. Xuân Hòa,
Tp.Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG VTTBYT**

Lê Việt Hà

Phụ lục I

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày / /2026 của Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
1	Kit tách chiết RNA vi rút	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu,... Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90% Công nghệ màng silica phân lập RNA virus từ 20 - 40 phút Lượng mẫu: 140 µl Thành phần: 250 cột có gắn màng silica Dung dịch ly giải Ống thu thập (2 ml) Chất mang gắn kết với RNA Chất đệm rửa Dung dịch thu nhận acid nucleic không có RNase, chứa 0,04% Sodium Azide Quy cách: 250 test/hộp	Hộp	3
2	Kit tách chiết DNA từ mô/máu toàn phần	Loại mẫu: Máu, dịch cơ thể, mô, dịch não tủy, ... Tách chiết DNA bằng cột quay silica Thành phần bộ kit: Cột quay; ống thu mẫu 2ml; Proteinase K; Dung dịch đệm; Thuốc thử Lượng DNA có thể được tinh sạch từ tối đa 25 mg mô hoặc tối đa 200 µL mẫu dịch trong vòng 20 phút, và được thu hồi trong thể tích 50–200 µL. DNA tinh sạch có tỉ lệ A_{260}/A_{280} là 1,7–1,9 Quy cách: 50 test/hộp	Hộp	1
3	Kit tách chiết DNA từ phân	Loại mẫu: phân Tách chiết DNA tổng số bằng cột quay silica Thành phần bộ kit: Cột quay; ống thu mẫu 2ml; Proteinase K; Dung dịch đệm Thời gian tinh sạch từ mẫu ban đầu đến DNA tối đa 25 phút. Lượng mẫu tối ưu để sử dụng là 180 - 220mg DNA tinh sạch có tỉ lệ A_{260}/A_{280} là 1,7–1,9 Đóng gói: 50 test/hộp	Hộp	1
4	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1 µg RNA tổng số Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 µM). Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl Đóng gói 500 phản ứng/hộp	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
5	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA tổng hoặc mRNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng cơ chế "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA tổng số Ứng dụng: Biểu hiện gen, giám sát các bệnh truyền nhiễm Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate (50mM), Rox reference Dye (25 µM). Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl Đóng gói 100 phản ứng/hộp	Hộp	1
6	Sinh phẩm tổng hợp cDNA, RT – PCR	Dùng tổng hợp cDNA, RT - PCR, phiên mã và dịch mã Là protein có tính axit, trọng lượng phân tử ~ 52 kDa, ức chế RNase A, RNase B, và Rnase C Dùng kèm với DTT 1mM Thời gian tinh sạch: 10 phút Nồng độ: 40 U/µL Được tinh sạch bằng sắc ký ái lực từ E. coli biểu hiện gen lộn nhân bản Tiêu chí đánh giá: độ tinh sạch SDS-PAGE, hoạt tính endonuclease, nồng độ protein, tính đặc hiệu, hiệu suất được đánh giá bằng RT-PCR Đóng gói: 5.000 units/Hộp	Hộp	1
7	Enzyme Taq DNA Polymerase	Là dạng phức hợp giữa Taq DNA Polymerase và một dạng kháng thể đặc thù, ức chế hoạt động của Polymerase tại nhiệt độ phòng. Hoạt động của Taq DNA Polymerase được phục hồi trong bước biến tính DNA (PCR). Kích thước sản phẩm cuối cùng: tối đa 5 kb Hoạt tính Exonuclease 5' - 3' Có thể kéo dài sản phẩm PCR nhờ bổ sung 1,5–4,5 µL KB Extender Quy cách: 120 phản ứng/hộp	Hộp	2
8	Bộ dNTPs	Hỗn hợp dNTP 10 mM bao gồm bốn nucleotide (dATP, dCTP, dGTP, dTTP) Dùng cho PCR, RT-PCR, Real Time PCR (qPCR) Độ tinh sạch >99% (tinh sạch bằng HPLC) Không có DNA người và E. coli Đóng gói: 1ml/ ống	Ống	1
9	Sinh phẩm, vật tư tiêu hao sử dụng cho Máy giải trình tự SeqStudio™ 24 Flex Genetic Analyzer (Máy do Viện sở hữu và đang sử dụng - Mã số kiểm kê: 1257811P50010)			
9.1	Kit đánh dấu dùng cho giải trình tự	- Bộ kit cho giải trình tự gen kèm dung dịch đệm - Được sử dụng cho các ứng dụng: Giải trình tự vùng giàu AT (>65%), giải trình tự so sánh (đột biến dòng mầm – 50:50), giải trình tự vùng giàu GC (>65%), phát hiện bazơ hỗn hợp, giải trình tự đọc dài, giải trình tự lại, giải trình tự de novo – thông lượng cao (cDNA), giải trình tự khuôn mẫu giàu GT, - Đóng gói 100 phản ứng/Hộp	Hộp	2
9.2	Kit tinh sạch sản phẩm PCR giải trình tự	- Dùng loại bỏ các muối và chất nhuộm chưa gắn. - Sản phẩm cuối: DNA	Kit	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		- Thời gian làm việc: 40 phút - Thành phần: gồm Dung dịch XTerminator và Dung dịch SAM - Đóng gói: 100 mẫu/kit		
9.3	Đĩa 96 giếng	Chất liệu: Polypropylen, trong suốt, không có barcode Thể tích làm việc 0,2ml Không chứa DNase, RNase Dạng có viền 1 phần (semi skirt) Đóng gói: 10 đĩa/hộp	Hộp	3
9.4	Dung dịch buffer Cathode	Chứa đệm 1X để chạy điện di mao quản - Hộp chứa có 2 ngăn: một ngăn chứa dung dịch đệm cathode cho quá trình điện di, một ngăn dùng để rửa capillary (mao quản) và dây chất thải polymer đã qua sử dụng giữa các lần hút - Hóa chất sẵn sàng sử dụng - Sử dụng RFID để theo dõi hạn sử dụng và số lần sử dụng - Đóng gói 4 pack/hộp	Hộp	1
9.5	Dung dịch buffer Anode	Chứa bộ đệm chạy 1X để hỗ trợ tất cả các ứng dụng điện di trên máy phân tích di truyền. - Hóa chất sẵn sàng sử dụng - Sử dụng RFID để theo dõi hạn sử dụng và số lần sử dụng - Đóng gói 4 pack/hộp	Hộp	1
9.6	Dung dịch đệm 5X	Nồng độ 5X - Dùng đồng bộ với kit PCR bigdye giải trình tự điện di mao quản phiên bản 3.1 - Đóng gói 1ml/hộp	Hộp	1
9.7	Gel Pop 7	Gel số 7 - Là polymer được sử dụng như chất nền phân tách trong điện di mao quản, cho phép mao quản được sử dụng nhiều lần, có thể sử dụng cho các ứng dụng giải trình tự đọc ngắn đến đọc dài cũng như phân tích đoạn - Hóa chất sẵn sàng sử dụng - Sử dụng RFID để theo dõi hạn sử dụng và số lần sử dụng - Đóng gói 384 mẫu/hộp	Hộp	1
10	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$ Điểm sôi: 78,29°C (1013 hPa) Giá trị pH: 7,0 (10 g/l, H ₂ O, 20 °C) Áp suất hơi: 59 hPa (20 °C) Đóng gói: 1 lít/chai	Chai	2
11	Đầu dò gắn huỳnh quang các loại	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODS (hoặc 25 nmol) - Đầu dò cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Các kênh màu: FAM; HEX; VIC; ROX; Cy5; SpC6 - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện (Tối đa không quá 50nu)	Ống	31
12	Mồi các loại	- Nồng độ tổng hợp: 250nmol - Nồng độ đảm bảo khi giao hàng tối thiểu: 6 ODS (hoặc 25 nmol) - Mồi cung cấp dưới dạng tinh sạch HPLC và được làm đông khô - Trình tự các loại nu cung cấp theo yêu cầu của Viện	Nu	2.944

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
13	Kháng sinh MIC trip các loại	Thử nghiệm MIC được dùng để xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) của các tác nhân kháng khuẩn chống lại vi sinh vật, phát hiện các cơ chế đề kháng Gồm có 15 nồng độ pha loãng và đánh dấu ở cả hai bên của MIC Strip. Đạt chuẩn CLSI/EUCAST Đóng gói: 30 test/hộp	Hộp	8
14	Kháng sinh đĩa các loại	Đĩa giấy được tẩm thuốc kháng sinh và sử dụng cho các thử nghiệm độ mẫn cảm theo các thử nghiệm kháng sinh Kirby-Bauer Đạt chuẩn CLSI/EUCAST Đóng gói: 250 đĩa/Hộp Bao gồm các loại đĩa kháng sinh thông thường (trừ Imipenem 10µg)	Hộp	30
15	Ống giữ chủng vi sinh có hạt bi	Ống lưu chủng vi sinh vật, mỗi ống có chứa dung dịch bảo quản và các viên bi Có mã hóa thành 4 màu ở nắp và viên bi Lọ có phần mờ cho phép viết nội dung lên lọ Đóng gói: 80 ống/hộp	Hộp	10
16	Kháng huyết thanh Salmonella H	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu được sử dụng để định danh huyết học của các serotype Salmonella khác nhau căn cứ theo phân loại của Kauffman-White Salmonella Antisera được sản xuất từ thỏ và chứa 0,08 w / v% natri azit làm chất bảo quản. Đóng gói: 5ml/lọ	Lọ	5
17	Kháng huyết thanh Salmonella O	Kháng huyết thanh Salmonella dạng lỏng, có chứa ngưng kết đặc hiệu cho kháng nguyên nhóm O theo phân loại của Kauffman-White Salmonella Antisera được sản xuất từ thỏ và chứa 0,08 w / v% natri azit làm chất bảo quản. Đóng gói: 2ml/lọ	Lọ	5
18	Kháng huyết thanh Tả O1	Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Đóng gói: 2ml/lọ	Lọ	1
19	Kháng huyết thanh Tả Inaba	Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Inaba) Đóng gói: 2ml/lọ	Lọ	1
20	Kháng huyết thanh Tả Ogawa	Kháng huyết thanh dùng để định danh Vibrio cholerae O1 Antiserum (Serovar Ogawa) Đóng gói: 2ml/lọ	Lọ	1
21	Túi ủ vi hiếu khí	Gói tạo môi trường nuôi cấy vi hiếu khí Sau quá trình ủ, tỷ lệ Oxy đạt 6-16%, tỷ lệ CO2 đạt 2-10% Thời gian trung bình để thấy sự ngưng tụ xuất hiện bên trong hộp ủ là trong vòng 20 phút sau khi kích hoạt Đóng gói: 20 cái/hộp	Hộp	2
22	Chủng vi khuẩn chuẩn	Chủng chuẩn có dạng đông khô. - Đòi thể hệ F1-F3 - Có lý lịch nguồn gốc được xác nhận bởi tổ chức có uy tín (ATCC, NCTC,...) kèm theo chứng nhận - Đóng gói: 5 viên/Bộ	Bộ	5
23	Bột gelatin	Dạng bột Loại A Đóng gói: 100g/Hộp	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
24	Hóa chất Polyethylene glycol PEG 6000	Dạng rắn pH: 5-7 (20 °C, 100 g/L trong H ₂ O) Đóng gói: 1kg/Hộp	Hộp	1
25	Môi trường Hektoen agar	Thành phần như sau (g/l): Enzymatic Digest of Meat hoặc Proteose peptone hoặc Peptones 12,0 - 15,0; Yeast Extract 3,0; Lactose 12,0 - 14,0; Saccharose 12,0 - 14,0; Salicin 2,0; Bile Salts No. 3 2,0 - 9,0; Sodium Chloride 5,0; Sodium Thiosulfate 5,0; Ammonium Ferric Citrate 1,5; Acid Fuchsin 0,08 - 0,1; Bromothymol Blue 0,05 - 0,065; Agar 12,0 đến 18,0 Đóng gói: 500g/hộp	Hộp	2
26	Môi trường TBX agar	Thành phần như sau (g/l): Casein ly giải hoặc Tryptone 20,0; Bile Salts No. 3 1,5; X-Glucuronide 0,075; Agar 15,0 Đóng gói: 500g/hộp	Hộp	1
27	Môi trường TCBS Agar	Thành phần như sau (g/l): Peptone 10,0 (hoặc Enzymatic Digest of Casein 5,0 và Enzymatic Digest of Animal Tissue 5,0); Yeast Extract 5,0; Sodium Citrate 10,0; Sodium Thiosulfate 10,0; Iron (III) Citrate 1,0; Sodium Chloride 10,0; Dried Bovine Bile hoặc Bile Salts hoặc Ox bile 8,0; Sucrose 20,0; Bromothymol Blue 0,04; Thymol Blue 0,04; Agar 8,0 đến 18,0 Đóng gói: 500g/hộp	Hộp	3
28	Môi trường MRS Agar	Thành phần như sau (g/l): Enzymatic Digest of Casein 10,0 Meat Extract 10,0 Yeast Extract 4,0 Triammonium Citrate 2,0 Sodium Acetate 5,0 Magnesium Sulfate Heptahydrate 0,2 Manganese Sulfate Tetrahydrate 0,05 Dipotassium Hydrogen Phosphate 2,0 Glucose 20,0 Polyoxyethylenesorbitan Monooleate (Tween 80) 1,08 Agar 12,0 - 16,0 Đóng gói: 500g/hộp	Hộp	1
29	Môi trường MH broth	Thành phần như sau (g/l): Meat infusion hoặc Beef Extract từ 2,0-3,0 hoặc Beef, dehydrated infusion From 300,0; Casein ly giải 17,5; Starch 1,5 Đóng gói 500g/hộp	Hộp	1
30	Môi trường MH II broth	Thành phần như sau (g/l): Cation-Adjusted Beef Extract 3,0 Acid Hydrolysate of Casein 17,5 Starch 1,5 Đóng gói: 500g/hộp	Hộp	1
31	Môi trường LB broth	Thành phần như sau (g/l): Tryptone: 10,0 Yeast extract: 5,0	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		Sodium chloride: 5,0 Đóng gói: 500g/hộp		
32	Môi trường MH Agar	Thành phần như sau (g/l): Beef Extract hoặc Infusion from meat 2,0 hoặc Beef, infusion from 300; Acid Hydrolysate of Casein hoặc Casamino hydrolysate 17,5; Starch 1,5; Agar 13 - 17 Đóng gói 500g/hộp	Hộp	5
33	Môi trường TSI agar	Thành phần như sau (g/l): Peptospecial hoặc Peptone 20,0 Lactose 10,0 Saccharose (Sucrose) 10,0 Sodium Chloride 5,0 Meat Extract hoặc Beef Extract 3,0 Yeast Extract 3,0 Dextrose hoặc Glucose 1,0 Ferric Citrate 0,3 hoặc Ferrous Sulphate 0,2 Sodium Thiosulphate 0,3 Phenol Red 0,024 - 0,025 Agar 12,0 - 13,0 Đóng gói 500g/hộp	Hộp	1
34	Môi trường MacConkey agar	Thành phần như sau (g/l): Peptone 20,0 hoặc (Pancreatic Digest of Gelatin 17,0 và Peptone from Meat/Enzymatic Digest of Casein 1,5 và Peptone from Casein/Enzymatic Digest of Animal Tissue 1,5) Lactose 10,0 Sodium Chloride 5,0 Bile Salts 1,5 Neutral Red 0,03 Crystal Violet 0,001 Agar 13,0 - 15,0 Đóng gói 500g/hộp	Hộp	1
35	Môi trường Cary Blair	Thành phần (g/l): Sodium Thioglycollate 1,5; Disodium Phosphate 1,1; Calcium Chloride 0,09; Sodium Chloride 5,0; Agar 5,0 - 8,0; Đóng gói: 500g/hộp	Hộp	1
36	Môi trường BHI agar	Thành phần như sau (g/l): Brain Heart, Infusion from 17,5 hoặc Brain infusion solids 12,5 và Beef heart infusion solids 5,0 Sodium Chloride 5,0 Peptone 10,0 Glucose 2,0 Di-sodium phosphate 2,5 Agar 10,0 - 15,0 Đóng gói 500g/hộp	Hộp	1
37	Môi trường GC Agar Base	Thành phần như sau (g/l): (Casein peptone 7,5 và Meat pepton 7,5) hoặc Special peptone 15 hoặc Proteose Peptone No.3 15 Sodium Chloride: 5,0 Dipotassium Phosphate: 4,0 Corn starch: 1,0 Monopotassium Phosphate: 1,0	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		Agar: 10 - 17 Đóng gói: 500g/hộp		
38	Thuốc nhuộm DNA điện di	Công thức nhuộm axit nucleic để điện di trên gel agarose Đặc trưng: •Tương thích với ánh sáng xanh và tia UV. •Không gây ung thư. •Phát hiện ít nhất 1-2 ng DNA trên mỗi dải gel. Có thể đọc được dưới màn hình LED Ứng dụng: Phát hiện dsDNA, ssDNA và RNA trong gel agarose. Nồng độ 10.000X trong DMSO Có thể nhuộm trước hoặc sau Đóng gói: 1ml/lọ	Lọ	7
39	Thuốc nhuộm PMA (Propidium monoazide)	Cho phép phát hiện chọn lọc tế bào sống bằng qPCR Đóng gói: 1mg/lọ	Lọ	1
40	Kit chạy Mastermix realtime PCR có UDG	Chạy RT-PCR DNA từ mẫu gen, virus, plasmid phức tạp, RT-PCR và đa hình đơn nucleotide. • Tương thích với hệ máy: 7500 System, BioRad iCycler iQ, BioRad iQ5, Stratagene Mx4000, MJ Chromo4, MJ Opticon, Stratagene Mx3000P, Stratagene Mx3005P, Cepheid SmartCycler, BioRad MyiQ. • Có UDG và dUTP giúp ngăn chặn nhiễm chéo trong quá trình khuếch đại Thành phần: qPCR UDG, Magnesium Chloride (50 mM), ROX dye Thể tích phản ứng: 50 µL Đóng gói: 100 phản ứng/hộp	Hộp	2
41	Nước cất pha mix và primer	Dùng trong Sinh học phân tử Phương pháp tinh sạch: lọc qua màng lọc 0,1µm Không nhiễm DNase, RNase Quy cách: 500ml/chai	Chai	1
42	Dung dịch TBE 10X	Được sử dụng để chạy điện di DNA trên gel polyacrylamide và agarose Nồng độ 10X Đã được lọc vô trùng, gồm 1 M Tris, 0,9 M axit boric và 0,01 M EDTA được sử dụng để chuẩn bị buffer 1X cho điện di polyacrylamide và gel agarose Không có DNase, RNase và Protease. Đóng gói: 1 lít/chai	Chai	4
43	Thang điện di 100 bp DNA	Nồng độ: 0,5 µg/µl Số lượng phản ứng: 100 phản ứng Kích thước đoạn phân tách: 0,1 - 2 kb Tối thiểu 13 vạch thang riêng biệt, có các dải tham chiếu tại 2.000, 1.500 và 600 bp Đóng gói 100µL/bộ	Bộ	5
44	Thang điện di 1 kp DNA	Nồng độ: 0,5 µg/µl Số lượng phản ứng: 500 phản ứng Dùng để xác định kích thước từ 100 bp to 15.000 bp Gồm 18 vạch thang riêng biệt, có dải tham chiếu tại 1500 bp Đóng gói 500µL/bộ	Bộ	1
45	Enzyme DNase I	Nồng độ 1 U/µL Là enzyme phân cắt DNA mạch đơn và mạch đôi Đóng gói: 1.000 units/hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
46	Dung dịch đệm enzyme DNase I	Nồng độ 10X Đóng gói: 1ml/hộp	Hộp	1
47	Enzyme EcoRI	Nồng độ: 10 U/ μ L Trình tự nhận diện: 5'-G↓AATTC-3' 3'-CTTAA↑G-5' Nhạy cảm với bất hoạt nhiệt: có Emzyme được cung cấp kèm theo: 10X Buffer EcoRI và 10X Buffer Tango Đóng gói: 5.000 units/hộp	Hộp	1
48	Enzyme HindIII	Nồng độ: 10 U/ μ L Trình tự nhận diện: 5'-A↓A G C T T-3' 3'-T T C G A↑A-5' Nhạy cảm với bất hoạt nhiệt: có Emzyme được cung cấp kèm theo: 10X Buffer R và 10X Buffer Tango Đóng gói: 5.000 units/hộp	Hộp	1
49	Enzyme PstI	Nồng độ: 10 U/ μ L Trình tự nhận diện: 5'-C T G C A↓G-3' 3'-G↑ A C G T C-5' Nhạy cảm với bất hoạt nhiệt: Không Emzyme được cung cấp kèm theo: 10X Buffer O và 10X Buffer Tango Đóng gói: 3.000 units/hộp	Hộp	1
50	Dung dịch Chloroform	Độ tinh khiết >99% Áp suất hơi: 160mmHg (20 °C) Tỷ trọng: 1,492 g/mL ở 25 °C Đóng gói: 1 lít/chai	Chai	1
51	Kit PCR Master Mix	Gồm hai loại thuốc nhuộm (xanh và vàng) cho phép theo dõi tiến trình điện di Thành phần: Polymerase, dNTPs, MgCl ₂ và dung dịch đệm phản ứng Có hoạt tính exonuclease từ 5' đến 3' (5'→3') Thuốc nhuộm màu xanh di chuyển với tốc độ tương đương các đoạn DNA kích thước 3–5 kb, còn thuốc nhuộm màu vàng di chuyển nhanh hơn các đoạn mồi (<50 bp) trong gel agarose 1%. Đóng gói: 1.000 phản ứng/Bộ	Bộ	3
52	Kit tinh sạch sản phẩm PCR	Trích xuất và tinh sạch các đoạn DNA từ 100 bp đến 10 kb từ gel agarose hoặc tinh sạch trực tiếp sản phẩm PCR và các phản ứng thông thường khác như phản ứng cắt hạn chế Hiệu suất thu hồi có thể đạt tới 95% tùy thuộc vào kích thước đoạn DNA Hệ thống dựa trên màng lọc silica có khả năng gắn tối đa 40 μ g DNA và cho phép thu nhận DNA hoặc sản phẩm PCR trong chỉ 15 phút, tùy số lượng mẫu Đóng gói: 250 phản ứng/bộ	Bộ	1
53	Sinh phẩm, vật tư tiêu hao sử dụng cho Máy giải trình tự Nanopore (Máy thuộc sở hữu của Viện) - Mã số kiểm kê: 1246516P50005 (Chào trọn bộ)			

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
53.1	Đĩa giải trình tự	Đĩa giải trình tự Chứa mạch cảm biến Chứa đầu đọc kép (R10.4.1) với độ chính xác trên 99%. Quy cách: 1 cái/hộp	Cái	6
53.2	Hóa chất rửa và tái sử dụng đĩa giải trình tự	Thời gian chuẩn bị \leq 60 phút Thành phần: - Wash mix (Dung dịch rửa) - Diluent (Dung dịch pha loãng) - Storage buffer (Dung dịch bảo quản) Đóng gói 6 Phản ứng /bộ	Bộ	1
53.3	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Nồng độ đầu vào: 200 fmol/mẫu amplicon Bộ kit có bao gồm 96 đầu barcode. Quy cách: Tối đa 12 phản ứng chứa 24 mã vạch	Bộ	1
53.4	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Là dung dịch sẵn sàng sử dụng của T4 DNA Ligase Nồng độ 2X Thành phần: T4 DNA Ligase, Chất tăng cường liên kết, Đệm phản ứng Quy cách: 250 phản ứng /bộ	Bộ	2
53.5	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Mô-đun sửa chữa cuối-dA được dùng để chuyển đổi 500 pg -1 μ g DNA bị phân mảnh thành DNA được sửa chữa có đầu 5' phosphoryl hóa, 3' dA. Mô-đun này tương thích với quy trình làm việc của Illumina và với một số quy trình công việc của Oxford Nanopore Technologies. Thành phần: Enzyme, Dung dịch đệm Quy cách: 24 phản ứng/bộ	Bộ	3
53.6	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Bộ enzyme chuyên dụng để sửa chữa tổn thương DNA từ mẫu FFPE trước khi chuẩn bị thư viện NGS Quy cách: 24 phản ứng/bộ	Bộ	3
53.7	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Mô-đun này thuộc quy trình chuẩn để chuẩn bị thư viện ban đầu. Yêu cầu lượng DNA đầu vào 1-5 μ g DNA. Mô-đun tương thích với một số quy trình của Oxford Nanopore Technologies, bao gồm các ứng dụng nghiên cứu liên quan đến COVID-19. Quy cách: 20 phản ứng/bộ	Bộ	1
54	Ống chống bám dính DNA thể tích 1,5ml	Vật liệu polypropylen trong suốt, đáy nhọn Đạt tiêu chuẩn độ tinh sạch PCR: không chứa DNA người, DNase, RNase và các chất ức chế PCR Chịu lực ly tâm lên đến 30.000 xg Quy cách: 500 cái/túi	Túi	2
55	Ống chống bám dính DNA thể tích 2,0ml	Vật liệu polypropylen trong suốt, đáy nhọn Đạt tiêu chuẩn độ tinh sạch PCR: không chứa DNA người, DNase, RNase và các chất ức chế PCR Chịu lực ly tâm lên đến 25.000 xg Quy cách: 500 cái/túi	Túi	1
56	Hóa chất vật tư dùng cho Máy đo DNA bằng huỳnh quang Qubit 2.0 (Máy do Viện sở hữu) - Mã số KK: 8089 (Chào trọn bộ)			
56.1	Kit đo nồng độ DNA sợi đôi bằng phương pháp huỳnh quang	Đo DNA có nồng độ thấp, đề kháng với các tạp chất như muối, nucleotide tự do, ARN, chất tẩy rửa hoặc protein DNA đầu vào dao động 0,005 – 120ng/ μ L Phương pháp phát hiện: Huỳnh quang. Phạm vi phát hiện từ 0,1-120 ng.	Bộ	4

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		Bước sóng kích thích/phát xạ: 510/527 nm Hệ thống sử dụng: Qubit Fluorometer (máy đo huỳnh quang Qubit) Kích thước ống sử dụng: Ống PCR 0,5 mL thành mỏng, trong suốt. Bộ kit bao gồm thuốc thử, dung dịch pha loãng và các mẫu chuẩn DNA nồng độ: 0 ng/μL và 10 ng/μL. Đóng gói: 100 phản ứng/bộ		
56.2	Tube đo huỳnh quang	Sử dụng để đo nồng độ DNA bằng Qubit Fluorometer Thể tích 500μL Chất liệu: Polypropylene Thành mỏng Đóng gói: 500 cái/túi	Túi	2
57	Dung dịch Javel	Hàm lượng Sodium hypochlorite (NaOCl): (10±2) % Đóng gói: 30 lít/can	Can	9
58	Giếng chuẩn không màu dùng cho phản ứng miễn dịch	Giếng nhựa tròn, trong, đáy bằng, chất liệu nhựa Polystyren Thể tích làm việc 350 μL Mỗi thanh 1×8 giếng Xử lý bề mặt MaxiSorp Phân tử đích: Kháng thể Đóng gói 640 thanh/hộp	Hộp	3
59	Hộp lưu mẫu 81 chỗ	Hộp 81 vị trí (9x9) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	105
60	Micropipette 8 kênh thể tích 30-300 μL	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,2μl Màn hình 4 chữ số Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cây	2
61	Micropipette 8 kênh thể tích 2-20 μL	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Bước tăng thể tích 0,02μl Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cây	1
62	Micropipette 1 kênh thể tích 50-1000 μL	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Khoảng thể tích từ 50 - 1.000μl Bước tăng thể tích 1μl Màn hình hiển thị 4 chữ số Được hiệu chuẩn tiêu chuẩn để sử dụng ở 20°C và 101 kPa Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cây	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
63	Viên sát trùng	Thành phần: Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50%, mỗi viên 5g chứa 2,5g hoạt chất Đóng gói: 100 viên/hộp	Hộp	2
64	Đĩa 24 giếng	Đóng gói riêng từng cái Trong suốt, có nắp, đã tiệt trùng Được kiểm tra: Non-pyrogenic (< 0,5 Endotoxin Units/ml), mức đảm bảo vô trùng (SAL) là 10^{-6} Chất liệu: Polystyrene Số giếng: 24 Thể tích giếng: 1ml Hình dạng giếng: Đáy phẳng (F-well) Quy cách: 75 cái/thùng	Thùng	2
65	Dây 8 ống và dây 8 nắp dùng cho Máy realtime PCR ABI 7500 Fast (Máy do Viện đang sở hữu và sử dụng, MKK: 8075-VRĐR) (Chào trọn bộ)			
65.1	Dây 8 giếng 0,1 ml cho Realtime PCR	Chất liệu: Nhựa polypropylene Thể tích làm việc 0,1ml Không chứa DNase, RNase Quy cách: 125 dây/hộp	Hộp	4
65.2	Dây nắp quang học 8 vị trí cho Realtime PCR	Dây 8 nắp quang học Chất liệu: nhựa polypropylene Dây 8 nắp phù hợp với ống đơn 0,2 mL, dây 8 ống (thể tích 0,1 hoặc 0,2 mL), hoặc đĩa 48 hoặc 96 giếng. Không chứa DNase/Rnase Quy cách: 300 strips/hộp	Hộp	2
66	Đầu côn không lọc có khóa 1000 μ l	Chất liệu nhựa Polypropylene, có thể hấp tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường, đặc biệt là Eppendorf, Gilson Quy cách: 1000 cái/túi	Túi	7
67	Đầu côn không lọc có khóa 200 μ l	Chất liệu nhựa Polypropylene, có thể hấp tiệt trùng Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường, đặc biệt là Eppendorf, Gilson Quy cách: 1000 cái/túi	Túi	6
68	Đầu côn không lọc có khóa 10 μ l	Chất liệu nhựa Polypropylene, có thể hấp tiệt trùng Không chứa DNAase, RNAase Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường, đặc biệt là Eppendorf, Gilson Quy cách: 1000 cái/túi	Túi	2
69	Đầu côn có lọc 10 μ l	Thể tích: từ 0,5 - 10 μ l Chất liệu: nhựa Polypropylen, giảm bám dính (low binding/ low retention) Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	90
70	Đầu côn có lọc 30 μ l	Dài thể tích: 1 - 30 μ l Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng, có lọc Không chứa DNase, RNase Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	30

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
71	Đầu côn có lọc 100 µl	Dài thể tích: 1 - 100 µL Chất liệu: nhựa Polypropylen, giảm bám dính (low binding/ low retention) Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	30
72	Đầu côn có lọc 200µl	Dài thể tích: 1 - 200 µL Chất liệu: nhựa Polypropylen, giảm bám dính (low binding/ low retention) Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	110
73	Đầu côn có lọc 1000µl	Dài thể tích: 100 - 1000 µL Chất liệu: nhựa Polypropylen, giảm bám dính (low binding/ low retention) Đã tiệt trùng, có lọc, loại dài (long length/ extended length) Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 100 cái/hộp	Hộp	80
74	Ống PCR nắp phẳng 0,2ml	Thể tích 0,2 ml, nắp phẳng, không tiệt trùng Chất liệu Polypropylen, trong suốt Không có DNase, RNase, chất ức chế PCR Đóng gói: 1000 cái/túi	Túi	2
75	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Loại không tiệt trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích: 1,5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/RNase Chịu được lực ly tâm lên đến 20.000 xg Nhiệt độ làm việc từ -80°C đến +121°C, có thể hấp autoclave Đóng gói: 500 cái/túi	Túi	23
76	Ống ly tâm đáy nhọn 2ml có nắp	Loại không tiệt trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích: 2,0ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/RNase Chịu được lực ly tâm lên đến 20.000 xg Nhiệt độ làm việc từ -80°C đến +121°C, có thể hấp autoclave Đóng gói: 500 cái/túi	Túi	4
77	Ống ly tâm 15ml	Chất liệu: polypropylene trong suốt, đáy nhọn, nắp vặn, có vùng ghi chú Đã tiệt trùng, có vạch chia thể tích Chịu được lực ly tâm đến 12.500 xg Không chứa DNase/RNase Nhiệt độ làm việc từ -80 đến 120°C Đóng gói: 50 cái/gói	Gói	18

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
78	Chai nuôi cấy tế bào 75cm ²	Hình dạng chai: Hình chữ U Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt Phạm vi chia độ: 20-200 mL Diện tích bề mặt: 75 cm ² Thể tích nuôi: 15 – 22,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 2,8 cm Chất liệu nắp Polyethylene, chai được làm từ nhựa polystyrene Đóng gói: 100 cái/thùng	Thùng	2
79	Pipet nhựa 5ml	Thể tích sử dụng: 5 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái Đóng gói: 200 cái/thùng	Thùng	2
80	Pipet nhựa 10ml	Thể tích sử dụng: 10 mL Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái Đóng gói: 200 cái/thùng	Thùng	2
81	Pipet nhựa 25ml	Thể tích sử dụng: 25 ml Chất liệu: Nhựa Polystyren Độ chính xác của thể tích $\pm 2\%$ Hình dạng: trụ hình tròn Không chứa DNase/RNase Đã tiệt trùng, đóng gói từng cái Đóng gói: 200 cái/thùng	Thùng	1
82	Lọc Syrine 0,2 μ m	Đường kính 28 mm, diện tích lọc 6,2cm ² , kích thước lỗ 0,2 μ m Chất liệu: cellulose acetate không chứa surfactant Đã được xử lý vô trùng Đóng gói: 50 cái/hộp	Hộp	4
83	Lọc chân không 500ml	Kiểu lọc: Hệ thống chân không Dung tích: 500 ml Vật liệu màng: Polyethersulfone Kích thước lỗ màng: 0,22 μ m Diện tích màng: 33,2 cm ² Được gói riêng từng cái Đường kính cổ: 45 mm Đã được xử lý tiệt trùng Đóng gói: 12 cái/thùng	Thùng	1
84	Ống trữ lạnh tiệt trùng 1,8ml nắp vụn	Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng, thể tích 1,8ml, có nhãn viết Kích thước bên ngoài: 13,10 x 45,50 mm Chịu được nhiệt độ từ - 196°C đến 121°C Chất liệu polypropylene; Nắp vụn ngoài Không chứa DNase, RNase Đóng gói: 500 cái/thùng	Thùng	20

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
85	Dây 8 giếng 0,2 ml cho Realtime PCR	Chất liệu: Nhựa polypropylene Thể tích 0,2ml Không chứa DNase, Rnase Mỗi ống kèm nắp riêng gắn ở 1 góc của ống Quy cách: 120 dây/hộp	Hộp	12
86	Que ngoáy họng	Vật liệu đầu /que tăm: Nylon flocced/ABS Đặc điểm: Tổng chiều dài: 15cm (\pm 0,2 cm) Khắc bẻ: 8cm (\pm 0,2 cm) Đã được tiệt trùng Đóng gói: 100 cái/gói	Gói	5
87	Bơm kim tiêm 3ml	Được làm từ vật liệu nhựa PP dùng trong y tế Kích cỡ kim 23Gx1", dung tích 3ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ Quy cách: 100 cái/ hộp	Hộp	2
88	Bơm kim tiêm 5ml	Được làm từ vật liệu nhựa PP dùng trong y tế Kích cỡ kim 23Gx1", dung tích 5ml Được tiệt trùng bằng khí E.O Chất liệu làm kim: thép không gỉ Đóng gói: 100 cái/hộp	Hộp	5
89	Cuộn Parafilm	Loại màng nhiệt nhựa dẻo, không thấm nước, hấp thụ ẩm cao Có thể căng dài hơn 350% chiều dài ban đầu Chịu được tối đa 48 giờ với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm Kích thước 4"x125'	Cuộn	4
90	Găng tay nitrile không bột	Chất liệu: 100% nitrile Hàm lượng độ bột: Tối đa 2mg/găng Màu: Trắng hoặc xanh Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Đóng gói: 50 đôi/hộp	Hộp	78
91	Găng tay không bột	Nguyên liệu: cao su tự nhiên Dùng được cho cả 2 tay, có viền cổ tay Hàm lượng bột: \leq 2 mg/găng tay Giao theo kích thước của Viện khi đặt hàng Quy cách: 50 đôi/hộp	Hộp	238
92	Gòn y tế thấm nước	Làm từ 100% bông xơ tự nhiên Loại thấm nước Quy cách: 1kg/cuộn	Kg	7
93	Gòn y tế không thấm nước	Làm từ 100% bông xơ tự nhiên Loại không thấm nước Quy cách: 1kg/cuộn	Kg	5
94	Gạc y tế	Gạc y tế khổ lớn 0,8m, chất liệu cotton 100%	Mét	60
95	Khẩu trang y tế 4 lớp	Gồm 04 lớp bảo vệ ngăn chặn bụi, vi khuẩn Đóng gói: 50 cái/hộp	Hộp	129
96	Khẩu trang N95	Gồm 4 lớp, trong đó có lớp lọc ngăn chặn vi khuẩn và bụi mịn Nẹp mũi kèm bọc nhựa, dây đeo bằng thun co giãn	Cái	200
97	Kit định danh vi khuẩn Gram âm	Định danh vi khuẩn Gram âm, 47 phản ứng sinh hóa, thời gian hoàn thành khoảng 10 giờ hoặc ngắn hơn. Đóng gói: 20 test/hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
98	Giá từ tính dùng để tách mẫu	Dùng trong các quy trình tinh sạch ái lực dựa trên hạt từ tính Giá từ tính tách mẫu gồm 12 vị trí x 1,5ml được thiết kế để sử dụng cho các quy trình tách chiết quy mô nhỏ bằng hạt từ tính Sử dụng nam châm vĩnh cửu đất hiếm Neodymium.	Cái	1
99	Thiết bị trợ pipet cầm tay	Dùng để hút và phân phối dung dịch Tốc độ pipet tối đa: ~10 mL/giây Thời gian sạc pin: Khoảng 3 giờ, có đèn báo pin yếu Số chu kỳ pipet: ~2.000 lần Đầu nối và bộ chuyển silicone có thể hấp tiệt trùng ở 121 °C trong 20 phút, 1 bar Tương thích với các loại pipet thủy tinh hoặc nhựa thông dụng có dải thể tích từ 1 đến 100 mL	Cái	1
100	Pipet điện tử 5-50 µL	Có điều chỉnh xoay 120 độ Có màn hình LCD thể hiện thông số bằng 7 loại ngôn ngữ Lưu trữ 9 chương trình cài đặt với 10 chức năng và 9 tốc độ Chất liệu: bền cơ học và chịu tác động hóa chất Dải thể tích chức năng: 2,5 µL – 50 µL Bước tăng thể tích: 0,1µL Sai số: - Độ đúng (inaccuracy) (%): Tại 5 µL là ±3,0% (±0,15µl); Tại 50 µL là ±0,8 % (±0,40µl) - Độ chụm (imprecision) (%): Tại 5 µL là 2,5% (0,125 µl); Tại 50 µL là 0,3% (0,15 µl)	Cái	1
101	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	Chất liệu: nhựa Polystyrene Được tiệt trùng bằng tia gamma Kích thước: 90x15 mm Đóng gói: 500 cái/thùng	Thùng	1
102	Bình xịt phun sương	Thể tích 500ml Chất liệu: nhựa HDPE Có vòi phun với chốt khóa mở	Cái	15
103	Que gòn lấy mẫu cán nhựa	Chất liệu gòn từ 100% bông tự nhiên Chiều dài tấm bông: 150±2mm; Đầu thu mẫu dài 20±2mm Đóng gói tiệt trùng 5 cái/túi, 20 túi/gói	Gói	40
104	Lam kính	Kích thước: khoảng 25,4mm x 76,2mm, loại tron Độ dày: 1 – 1,2 mm Vật liệu: thủy tinh Đóng gói: 72 miếng/hộp	Hộp	55
105	Cá từ loại 1cm	Thanh khuấy từ kích thước 5*10mm, được bọc PTFE, dạng hình trụ	Cái	5
106	Cá từ loại 2cm	Thanh khuấy từ kích thước 6*20mm, được bọc PTFE, dạng hình trụ	Cái	5
107	Cá từ loại 3cm	Thanh khuấy từ kích thước 6*30mm, được bọc PTFE, dạng hình trụ	Cái	5
108	Cá từ loại 5cm	Thanh khuấy từ kích thước 8*50mm, được bọc PTFE, dạng hình trụ	Cái	5
109	Kẹp không mẫu	Kẹp inox không mẫu, chiều dài 20cm	Cái	5
110	Pen có mẫu	Pen gấp có mẫu, dài 15cm, chất liệu inox	Cái	3
111	Que cấy 1µl	Chất liệu: polystyrene (PS) - Đã được tiệt trùng	Túi	120

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		- Thể tích: 1μl Đóng gói: 25 cái/túi		
112	Lọc syringe 0,45μm	Đường kính 25 mm, diện tích lọc 4,8cm ² Kích thước lỗ lọc 0,45 μm Vật liệu màng lọc: Polyamide Đã tiệt trùng Đóng gói: 50 cái/hộp	Hộp	1
113	Khí nitơ lỏng	Độ tinh khiết ≥ 99,8% Quy cách 50 kg/bình	Kg	4.650
114	Khí CO ₂	Độ tinh khiết > 99,8% Quy cách 25 kg/bình	Bình	39
115	Màng lọc thô G4	Khung nhôm kích thước: 592x592x46mm Lưu lượng gió: 3400 CMH Hiệu suất xử lý: AM>90%.	Cái	20
116	Màng lọc túi F8	Khung mạ kẽm, kích thước: 592x592x380 mm gồm 8 túi, lưu lượng gió 3400 CMH, hiệu suất xử lý: 90%<Em< 95%.	Cái	12
117	Màng lọc thô M5	Khung nhôm kích thước: 610x610x46 mm(WxHxD), Lưu lượng gió: 3400 CMH Hiệu suất xử lý: 40 %<E< 60%.	Cái	4
118	Lọc Hepa cấp tổng	Khung nhôm kích thước: 610X610X292mm Vật liệu lọc: sợi thủy tinh Lưu lượng gió 3400 CMH, Hiệu suất 99,95%	Cái	2
119	Lọc Hepa chịu nhiệt	Khung nhôm, kích thước 200x200x150mm Vật liệu lọc: sợi thủy tinh Hiệu suất xử lý 99,95% ở 0,3 micron	Cái	2
120	Lọc thô nước	Vật liệu lọc: Sợi Polypropylene, bông nén Thiết kế lõi lọc: 2 đầu phẳng Khe lọc: 5μm Đường kính trong: 28 mm Đường kính ngoài: 60mm Chiều dài: 20 (inch) /508 (mm)	Cái	10
121	Đồng hồ điều áp khí CO ₂	Áp suất đầu vào 100bar Áp suất đầu ra 0-10 bar	Cái	4
122	Chi thị nhiệt	Băng keo chi thị nhiệt, kích thước 19 mm x 50 m	Cuộn	4
123	Chi thị sinh học	Chi thị sinh học được sử dụng để theo dõi thường xuyên các chu kỳ khử trùng bằng hơi nước và theo dõi quá trình hấp tiệt trùng bằng hơi nước. Bào tử (CFU/ống): 1-5x10 ⁶ Đóng gói: 50 lọ (4ml)/Hộp	Hộp	1
124	Giá đỡ micropipet đứng 6 vị trí	Giá treo cho micropipette 6 vị trí Thiết kế xoay tròn Tương thích với các hãng micropipet: Watson, Gilson, Thermo, Nichiryo, Rainin	Cái	4
125	Kit tách chiết DNA từ mô/máu toàn phần	Loại mẫu: Máu, dịch cơ thể, mô, dịch não tủy, ... Tách chiết DNA bằng cột quay silica Thành phần bộ kit: Cột quay; ống thu mẫu 2ml; Proteinase K; Dung dịch đệm; Thuốc thử Lượng DNA có thể được tinh sạch từ tối đa 25 mg mô hoặc tối đa 200 μL mẫu dịch trong vòng 20 phút, và được thu hồi trong thể tích 50–200 μL.	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		DNA tinh sạch có tỉ lệ A260/A280 là 1,7–1,9 Quy cách: 250 test/hộp		
126	Kit tinh sạch sản phẩm PCR từ gel	Bộ kit tinh sạch gồm: cột tách chiết, dung dịch đệm, ống thu thập Hiệu suất thu hồi lên đến 80% đối với tất cả các kích thước đoạn DNA. Kích thước đoạn: từ 70bp đến 10kb Đóng gói 50 test/hộp	Hộp	2
127	Kit loại bỏ chất nhuộm màu sau PCR	Tinh sạch sản phẩm phản ứng giải trình tự DNA, loại bỏ sạch các chất đánh dấu màu không liên kết: BigDye, dRhodamine dye, Rhodamine, DYEnamic ET and WellRED terminators - Thời gian tinh sạch (Không bao gồm thời gian cần để làm khô mẫu trước khi nạp gel (nếu áp dụng): tối đa 10 phút - Phương pháp: sử dụng gel lọc - Khả năng liên kết: 10–20 µl - Dạng ống riêng lẻ từng mẫu Đóng gói 50 test/hộp	Hộp	1
128	Bovine Serum Albumin	Độ tinh khiết $\geq 96\%$ Dạng bột Giá trị pH 5,2 Sử dụng cơ chế sốc nhiệt Sử dụng cho ELISA, Western Blot, Điện di Đóng gói: 500g/chai	Chai	1
129	Kit chạy RT-PCR có ROX	Nồng độ 2X Thể tích 2,5ml Loại mẫu: DNA (Genomic), cDNA Ứng dụng: biểu hiện gen Hiệu quả với PCR giàu GC: cao Thành phần: - Enzyme khuếch đại, enzyme Uracil-DNA Glycosylase (UDG) để loại bỏ Uracil, có trộn sẵn chất nhuộm ROX - Magnesium Chloride Đóng gói: 100 phản ứng/hộp	Hộp	1
130	Dung dịch Ethidium bromide	Thuốc nhuộm acid nucleic được sử dụng cho điện di gel agarose. Nồng độ: 10 mg/mL trong H ₂ O Quy cách: 10ml/lọ	Lọ	1
131	Dung dịch đệm TE 1X	Dùng trong Sinh học phân tử Gồm 10 mM Tris và 1 mM EDTA trong nước RO có độ tinh khiết cao Đóng gói: 10x1ml/hộp	Hộp	1
132	Kháng thể thứ cấp dê kháng IgG chuột gắn HRP	Kháng thể thứ cấp đa dòng cho các ứng dụng Western blot, ELISA, hóa mô miễn dịch (IHC) và nhuộm miễn dịch tế bào (ICC) Nồng độ sau khi hoàn nguyên 1mg/1ml Đóng gói: 1mg/lọ	Lọ	1
133	Giá giữ lạnh cho ống 0,2 ml	Màu của giá thay đổi khi nhiệt độ vượt quá 7 °C Tương thích với nhiều loại như tube đơn, strip tube hoặc plate Có khả năng giữ lạnh toàn bộ plate PCR 96 giếng ở 0 °C trong hơn 1 giờ (sau khi làm lạnh trước 2 giờ ở -20 °C)	Cái	3

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
134	Micropipette 1 kênh thể tích 0,5- 10 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Khoảng thể tích từ 0,5 - 10 μ l Bước tăng thể tích 0,01 μ l Màn hình hiển thị 4 chữ số Được hiệu chuẩn tiêu chuẩn để sử dụng ở 20°C và 101 kPa Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cây	1
135	Micropipette 1 kênh thể tích 10 - 200 μ L	Có khóa để ngăn sự thay đổi thể tích ngẫu nhiên trong quá trình sử dụng Cho phép hấp khử trùng toàn bộ Micropipette mà không cần tháo rời Vật liệu cấu tạo chịu tia UV và hóa chất Khoảng thể tích từ 10 - 200 μ l Bước tăng thể tích 0,2 μ l Màn hình hiển thị 4 chữ số Được hiệu chuẩn tiêu chuẩn để sử dụng ở 20°C và 101 kPa Phù hợp với đa dạng các loại đầu tip	Cây	1
136	Màng lọc 1 μ m, đường kính 90mm	Màng lọc có kích thước lỗ lọc là 1,0 μ m , đường kính 90mm. Chất liệu: hỗn hợp cellulose và ester, màu trắng Đóng gói: 25 tờ/hộp	Hộp	2
137	Màng lọc 0,45 μ m , đường kính 90mm	Màng lọc có kích thước lỗ lọc 0,45 μ m , đường kính 90mm. Chất liệu: hỗn hợp cellulose và ester, màu trắng Đóng gói: 25 tờ/hộp	Hộp	2
138	Màng lọc 0,2 μ m , đường kính 90mm	Màng lọc có kích thước lỗ lọc 0,2 μ m , đường kính 90mm. Chất liệu: hỗn hợp cellulose và ester, màu trắng Đóng gói: 25 tờ/hộp	Hộp	2
139	Pipet Pasteur thủy tinh	Pipet Pasteur thủy tinh, chịu nhiệt, dài 230 mm Đóng gói: 250 cái/hộp	Hộp	5
140	Ống ly tâm 50ml (có chân)	Chất liệu: polypropylene (PP) trong suốt Đáy chữ V, tự đứng Chịu được nhiệt độ từ -80 °C đến 121 °C Lực ly tâm tối đa chịu được: 17.500 \times g Đã tiệt trùng, không chứa DNase, RNase Quy cách: 500 cái/thùng	Thùng	1
141	Ống nhựa 5ml có nắp	Tube đáy tròn, có nắp, làm từ nhựa polystyrene (PS) hoặc polypropylene (PP) y tế Thể tích 5 ml, kích thước 12 \times 75mm	Cái	500
142	Thùng hủy kim 6,8L	Dung tích: 6,8 lít Chất liệu: Nhựa HDPE Có nắp đậy phía trên Có biểu tượng nguy hiểm và cảnh báo vật dụng sắc nhọn Có vạch cảnh báo giới hạn đựng (Không đựng quá vạch này) trên thùng	Cái	10
143	Dung dịch qPCR đa môi	Tương thích với các hệ máy: Applied Biosystems 7500, Applied Biosystems 7500 Fast, Applied Biosystems QuantStudi (tất cả models). Có khả năng trung hòa các chất ức chế phản ứng PCR từ nhiều loại mẫu: thực vật, mô động vật,... Nồng độ: 5X, dung dịch sẵn sàng để sử dụng Quy cách: 250 phản ứng \times 25 μ L (1 \times 1,25 mL)	Kit	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
143	Sinh phẩm dùng cho máy giải trình tự Illumina Miseq (máy do Viện sở hữu và sử dụng - Mã số kiểm kê: 8088) (Chào trọn bộ)		Bộ	1
143.1	Kit chuẩn bị thư viện cho NGS DNA	Bộ kit chuẩn bị thư viện DNA sparQ được tối ưu hóa để xây dựng các thư viện DNA từ DNA sợi đôi bị phân mảnh để giải trình tự trên nền tảng Illumina NGS. Thời gian chuẩn bị thư viện: tối đa 2,5 giờ Lượng DNA đầu vào từ 250 pg đến 1 µg. Tích hợp bước sửa đầu mút, phosphoryl hóa đầu 5', gắn đuôi dA đầu 3' và nối adapter trong cùng một quy trình. Có thể thực hiện chuẩn bị thư viện không cần PCR từ 100 ng DNA đầu vào Đóng gói: 96 phản ứng/hộp	Hộp	1
143.2	Bộ adapter UDI	Gộp mẫu linh hoạt: ghép tối đa 96 mẫu trên mỗi lần chạy giải trình tự Phù hợp cho nhiều ứng dụng như Whole Genome Sequencing (WGS), Target Enrichment, RNASeq/Transcriptome và các ứng dụng NGS khác. Đóng gói: Bộ gồm 96 test/hộp	Hộp	1
143.3	Hạt từ tinh sạch	Có khả năng thu hồi các đoạn DNA lớn hơn 100 bp Loại bỏ các thành phần không mong muốn khỏi các phản ứng chuẩn bị thư viện NGS Đóng gói: 60ml/lọ	Lọ	1
144	Sinh phẩm giải trình tự dùng cho máy giải trình tự Illumina Miseq (máy do Viện sở hữu và sử dụng - Mã số kiểm kê: 8088) (Chào trọn bộ)			
144.1	Hóa chất giải trình tự gen	Hóa chất giải trình tự cho mục đích nghiên cứu. - Sử dụng công nghệ nhận dạng bằng sóng vô tuyến (RFID) - Cung cấp hóa chất cho 300 chu kỳ giải trình tự - Dữ liệu đầu ra tối đa: 5,1 Gb Sử dụng trên hệ thống MiSeq, thuộc sở hữu của Viện - Mã số kiểm kê: 8088 Đóng gói: 300 chu kỳ/bộ	Bộ	2
144.2	Hóa chất giải trình tự gen	Số đoạn đọc tối đa trong một lần chạy: lên đến 4 triệu Acid nucleic: DNA, RNA Dữ liệu đầu ra tối đa: 1,2 Gb Sử dụng trên hệ thống MiSeq, thuộc sở hữu của Viện - Mã số kiểm kê: 8088 Đóng gói 300 chu kỳ/bộ	Bộ	3
145	Thẻ định danh xác định vi khuẩn Neisseria, Haemophilus	Bộ kit sinh hóa định danh vi khuẩn Neisseria và Haemophilus bằng 30 phản ứng sinh hóa trong thời gian khoảng 6 giờ bằng máy định danh Vitek 2 (máy thuộc sở hữu của Viện - Mã số kiểm kê: 8097) Đóng gói: 20 test/hộp	Hộp	3
146	Bộ nhân bản bộ gene tế bào đơn	DNA được khuếch đại có thể được sử dụng cho nhiều ứng dụng downstream khác nhau, bao gồm: Ứng dụng cho Giải trình tự NGS, Giải trình tự Sanger, Phát hiện đột biến, ... Hiệu suất ổn định lên đến 40 µg (chiều dài sản phẩm trung bình >10 kb) Đóng gói: 24 phản ứng/hộp	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
147	Bộ ngưng kết latex Neisseria meningitidis A, C, Y, W135	Thuốc thử bao gồm các hạt latex polystyrene được phủ kháng thể đặc hiệu với các kháng nguyên não mô cầu nhóm A, C, Y và W135. Các hạt latex này sẽ kết tụ lại khi có đủ kháng nguyên tương đồng. Đóng gói: 30 test/hộp	Hộp	1
148	Bộ ngưng kết Neisseria meningitidis B/E. coli K1	Thuốc thử bao gồm các hạt latex polystyrene được phủ kháng thể đơn dòng đặc hiệu với kháng nguyên nhóm B của não mô cầu. Các hạt latex này sẽ kết tụ khi có đủ kháng nguyên tương đồng. Đóng gói: 30 test/hộp	Hộp	1
149	Bổ thể huyết thanh thỏ con 3-4 tuần tuổi	Phù hợp để sử dụng cho SBA-Serum Bactericidal Assay. Nồng độ kháng thể tan máu: $\geq 1:16$ Không chứa nội độc tố Đã tiệt trùng Không chứa Mycoplasma, Virus Đóng gói: 10ml/chai	Chai	3
150	Polyvitex	Thành phần (lọ): VITALEX growth Supplement (Glutamine 100,0 mg; Adenine 10,0 mg; Guanine 0,30 mg; Aminobenzoic acid 0,13 mg; NAD 2,50 mg; Cocarboxylase 1,0 mg; Ferric nitrate 0,20 mg; Thiamine 0,03 mg; Vitamin B12 0,10 mg); VITALEX growth diluent (Glucose 0,5 g; Nước cất 5,0 ml). Đóng gói: 10 lọ/hộp	Hộp	1
151	Kit định danh xác định vi khuẩn Neisseria gonorrhoeae	Có chứa tối thiểu 10 vi ống chứa cơ chất đã khử nước gồm 12 phản ứng sinh hóa Định danh bằng phần mềm định danh Thành phần bộ kit: 10 thanh phản ứng, 10 Ống NaCl 0,85% Medium (2ml), 1 ống James (R1) + 1 Chai James (R2), 1 ống ZYM B (R1) + 1 Chai ZYMB (R2), 10 hộp ủ, 10 bảng kiểm tra kết quả, 1 hướng dẫn sử dụng. Đóng gói: 10 test/hộp	Hộp	4
152	Enzyme phiên mã ngược	Là phiên bản biến đổi gen của enzyme MMLV (RT), giảm hoạt động RNase H, tăng thời gian bán hủy và độ ổn định nhiệt. Nồng độ: 200 U/ μ L Kích thước sản phẩm cuối cùng: 12,3 kb Đã loại bỏ hoạt động của Enzyme Ribonuclease H Thành phần: - Enzyme Reverse Transcriptase, 50 μ l (10.000 units tại 200 U/ μ L); - Dung dịch buffer 5X 1 ml; - DTT (Dithiothreitol), 500 μ l (100 mM) Đóng gói 10.000 units/bộ	Bộ	1
153	Enzyme khuếch đại DNA có độ chính xác cao	- Là hỗn hợp enzyme khuếch đại DNA gồm DNA polymerase, muối, magie và dNTP để khuếch đại PCR. - Khuếch đại các đoạn lên tới 15 kb - Nồng độ: 1,1 X - Hỗn hợp Taq DNA polymerase và Pyrococcus species GB-D polymerase có khả năng sửa lỗi - Phản ứng ở nhiệt độ phòng - Độ nhạy cao hơn 6 lần so với Taq DNA polymerase	Hộp	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		- Ứng dụng: PCR độ chính xác cao, cloning, đột biến gene Đóng gói: 100 phản ứng/hộp		
154	Môi trường DMEM với nồng độ glucose cao	Dung dịch nuôi cấy tế bào. Thành phần: Glucose: 4.500 mg/lit, Phenol Red 15 mg/l, L - Glutamine 584 mg/l, Sodium bicarbonate 3,7 g/l Tiệt trùng: Lọc vô trùng Loại tế bào: Nguyên bào sợi sơ cấp, Noron, Tế bào thần kinh đệm, HUVEC, Tế bào cơ trơn Không có nguồn gốc động vật Không chứa: Sodium pyruvate, Hepes Đóng gói: 500 ml/chai	Chai	10
155	Kháng sinh chọn lọc Geneticin	Được sử dụng như một kháng sinh chọn lọc với nồng độ từ 100–200 µg/mL cho vi khuẩn, từ 200–500 µg/mL cho hầu hết các tế bào động vật có vú Dạng dung dịch 50 mg/mL trong nước Sử dụng phương pháp lọc vô trùng Quy cách: 100 ml/chai	Chai	1
156	Dung dịch huyết thanh bào thai bê	Thành phần: huyết thanh bào thai bê Mức nội độc tố ≤ 5 EU / mL Nồng độ Hemoglobin ≤ 15 mg/dL Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg H ₂ O pH: 7-8 Gamma Globulin ≤ 500 mg/L Protein tổng: 30,0 - 45,0 mg/L Không có vi khuẩn và nấm, Bluetongue Virus, Bovine Adenovirus, Bovine Parvovirus, Reovirus, Rabies Virus Phương pháp khử trùng: tối thiểu ba lần lọc 0,1 µm Dùng trong nuôi cấy tế bào Đóng gói: 500ml/chai	Chai	2
157	Dung dịch Penicillin-Streptomisine	Nồng độ: 100X Đã lọc vô trùng Áp suất thẩm thấu: 310 - 350 mOsm/kg pH: 4,0 - 7,0 Thành phần: 10.000 units/mL penicillin nguồn gốc Penicillium và 10.000 µg/mL streptomycin nguồn gốc Streptomyces griseus Có phổ tác dụng đối với vi khuẩn gram âm và gram dương Đóng gói: 100 ml/chai	Chai	2
158	Dung dịch Hepes	Đệm hóa chất hữu cơ Zwitterionic Nồng độ: 1M Công thức: N-2-Hydroxyethylpiperazine-N-2-Ethane Sulfonic Acid Sử dụng pha môi trường nuôi cấy tế bào Dạng lỏng Giá trị pH 7,0 – 7,5 Đã được lọc vô trùng Lượng sử dụng khuyến cáo 10–25 mM Áp suất thẩm thấu: 1450 - 1800 mOsm/kg H ₂ O Đóng gói: 100ml/chai	Chai	5
159	Dung dịch Sodium bicarbonate 7,5%	Nồng độ: 7,5% Loại sản phẩm: Bổ sung Đã được lọc vô trùng Giá trị pH: 7,9 - 8,3	Chai	3

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		Độ thẩm thấu 1300 - 1600 mOsm/kg Đóng gói: 100ml/chai		
160	Dung dịch Trypsin-EDTA 10X	Nồng độ: 10 X Độ thẩm thấu: 280 - 340 mOsm/kg Phạm vi pH: 7,1 – 8,0 Không chứa: Phenol Red Tiệt trùng: lọc vô trùng Nguyên liệu thô được chiếu xạ chùm tia điện tử và các tiền chất được kiểm tra nội độc tố, PPV, PCV 1/2, mycoplasma, vi khuẩn, nấm và nhiễm vi-rút. Thành phần: Sodium Chloride 8.500 mg/l, EDTA 4Na 2H ₂ O 2.000 mg/l, Trypsin 5.000 mg/l Đóng gói: 100ml/chai	Chai	1
161	Dung dịch DMSO	Độ tinh khiết $\geq 99,7\%$ Áp suất hóa hơi: 0,42 mmHg (20°C) Đóng gói: 100ml/chai	Chai	1
162	Dung dịch Bovine serum Albumin Fraction V (7,5%)	Nồng độ: 7,5 g/100 ml Giá trị pH : 6-8 Xét nghiệm phát hiện Mycoplasma bằng qPCR: âm tính Độ thẩm thấu: 305 - 370 mOsm/kg Protein tổng: 6,80 - 8,80 g/dL Pha trong phosphate-buffered saline Đóng gói: 100ml/chai	Chai	3
163	Kit thử nghiệm Influenza Neuraminidase bằng phương pháp huỳnh quang	Định lượng hoạt tính neuraminidase (NA) bằng cách đo tín hiệu huỳnh quang. Có đủ hóa chất cho 10 tấm microplate 96 giếng, tương đương 960 giếng xét nghiệm Cơ chất: NA-Fluor Bước sóng phát xạ 440-460nm Bước sóng kích thích 350-365nm Bao gồm các thành phần sau: - Cơ chất MUNANA - Dung dịch đệm 2X Assay - Dung dịch ngừng phản ứng Đóng gói: 960 phản ứng/bộ	Bộ	1
164	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Thể tích làm việc: 0,1ml Chất liệu nhựa Polypropylen, trong suốt Quy cách: 20 cái/túi	Túi	4
165	Đĩa 96 giếng có mã vạch	Thể tích làm việc: 10 - 100 μ l Đĩa PCR 96 giếng màu trắng, half-skirted polypropylene, có mã vạch Sử dụng trên máy LightCycler 480 II Real-time PCR 96 giếng, máy thuộc sở hữu của Viện - Mã số kiểm kê: 8073 Quy cách: 5 x 10 plates/hộp	Hộp	4
166	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Chất liệu Polyester Dạng film, trong suốt Độ bám dính trên thép: ≥ 30 oz/in Quy cách: 100 miếng/hộp	Hộp	5
167	Đầu côn không lọc 1200 μ L	Phù hợp với các model Pipetman của hãng Gilson Dài thể tích: 50 - 1200 μ L Không lọc, có chia vạch, không tiệt trùng Vật liệu: polypropylene Chiều dài: 84 mm	Hộp	60

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
		Có thể hấp tiệt trùng hoàn toàn Đóng gói: 96 cái/hộp		
168	Hộp lưu mẫu 100 chỗ	Hộp 100 vị trí (10x10) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	10
169	Chai nuôi cấy tế bào 75cm ² có lọc	Hình dạng chai: Hình chữ U Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt Phạm vi chia độ: 20-200 mL Diện tích tế bào phát triển 75cm ² Thể tích nuôi: 15 – 22,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 2,8 cm Kiểu nắp: Thông khí, được sản xuất bằng vật liệu Polyethylene Chai được làm từ nhựa polystyrene Đóng gói: 100 cái/thùng	Thùng	4
170	Giá để ống Cryovial	Gồm 40 vị trí với chân đế hình ngôi sao, có thể thao tác bằng một tay Chất liệu rack: polycarbonate, đế cao su Kích thước: Dài 20cm x Rộng 10cm x Cao 2,2cm Đóng gói: 50 cái/thùng	Thùng	1
171	Giá đỡ tách từ tính	Thể tích ống 0,2 µL Có tối đa 24 vị trí Phù hợp với dãy 8 ống PCR, dãy 12 ống PCR và ống PCR 0,2 mL	Cái	1
172	Giá giữ lạnh cho ống 1,5 ml	Chứa được tối đa 24 ống micro (ví dụ: 0,5 mL hoặc 1,5 mL/2,0 mL) Giá đỡ có thể xếp chồng, hấp tiệt trùng và ly tâm Gói lạnh màu trắng duy trì nhiệt độ 0 độ C lên đến 6 giờ Quy cách: 1 Bộ bao gồm 1 IsoPack (túi giữ lạnh) và một IsoRack (giá giữ lạnh).	Cái	1
173	Giấy lau kính hiển vi	Kích thước 11 x 21 (±0,5) cm Đóng gói 280 tờ/hộp	Hộp	2
174	Hộp lưu mẫu 25 vị trí	Hộp 25 vị trí (5x5) Chất liệu: polycarbonate, chịu được hóa chất Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần Có đánh dấu dạng lưới Tương thích với các microtube 0,5ml, 1,5ml hoặc 2,0ml và các ống lưu mẫu Chịu được nhiệt độ từ -196 độ C đến 121 độ C	Cái	20
175	Kháng sinh đĩa Imipenem 10µg	Đĩa giấy được tẩm thuốc kháng sinh Imipenem và sử dụng cho các thử nghiệm độ mẫn cảm theo các thử nghiệm kháng sinh Kirby-Bauer Đạt chuẩn CLSI/EUCAST Đóng gói: 250 đĩa/Hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Tổng cộng
176	Bộ kit xét nghiệm đa tác nhân đường hô hấp	Sinh phẩm RUO Kit real-time PCR định tính để phát hiện SARS-CoV-2, RSV A&B , Influenza A&B , Enterovirus, Metapneumovirus, Adenovirus, Human Parainfluenza 1/2/3/4 , Rhinovirus, Mycoplasma pneumoniae và Legionella Pneumophila trong các mẫu bệnh phẩm đường hô hấp của người bao gồm dịch mũi họng, dịch hầu họng và nước bọt. Thành phần: - Nước cất - PCR Master Mix - Hỗn hợp enzyme phiên mã ngược và chất ức chế RNase - Chứng dương Độ nhạy (mẫu tăm bông dịch hầu họng): SARS-CoV-2 0,6 copies/μl, RSV A 3 copies/μl, RSV B 7 copies/μl, Influenza A 3 copies/μl , Influenza B 4 copies/μl, Enterovirus 2 copies/μl, Metapneumovirus 6 copies/μl, Adenovirus 3.5 copies/μl, Human Parainfluenza 1 10 copies/μl, Human Parainfluenza 2 1 copies/μl, Human Parainfluenza 3 5 copies/μl, Human Parainfluenza 4 25 copies/μl, Rhinovirus 13 copies/μl, Mycoplasma Pneumoniae 0,15 copies/μl, Legionella Pneumophila 2 copies/μl. Quy cách: 100 test/hộp	Hộp	3
177	Đầu côn có lọc 50μl	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiệt trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Đóng gói: 96 cái/hộp	Hộp	
178	Bình tia	Chất liệu: nhựa polyethylene (PE), loại trong Ống phân phối chất lỏng được đúc liền với nắp Dung tích: 500ml Độ chia: 100ml Đường kính thân: 75mm Đường kính miệng: 38mm	Cái	10
179	Nhiệt kế thủy ngân	Khoảng đo: -50°C đến 50°C Độ chia nhỏ nhất: 0,5°C Độ dài 300 mm Đường kính: 8-9,5 mm Hình dạng: Trụ tròn Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt cao	Cái	20

Phụ lục II

BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ (ĐỂ NHÀ CUNG CẤP THAM KHẢO)

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày / /2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

STT	STT trong danh mục yêu cầu của Viện	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, nhãn hiệu, model, mã hàng	Hãng sản xuất ⁽³⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Năm sản xuất (nếu có) ⁽⁵⁾	Mã HS (nếu có) ⁽⁴⁾	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính (ghi theo yêu cầu báo giá của Viện)	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá có VAT ⁽⁸⁾ (VND)	Thành tiền có VAT ⁽⁹⁾ (VND)	Mức thuế (ghi % thuế 5 hoặc 8 hoặc 10)
1		...											
2												
n		...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại mục 5 Mục I của yêu cầu báo giá], kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày..... tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁰⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá đã bao gồm thuế tương ứng với từng hàng hóa. Giá trị của đơn giá là số nguyên.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(10) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.